ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Số: 1910/QĐ-ĐHYD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí học kỳ I, năm học 2020 - 2021 cho sinh viên đang học tại trường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP của Chính phủ ngày 04 tháng 4 năm 1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên bộ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Biên bản cuộc họp xét chế độ chính sách học kỳ I, năm học 2020 - 2021 cho sinh viên ngày 16 tháng 9 năm 2020 của trường Đại học Y Dược;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HS-SV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí học kỳ I, năm học 2020 - 2021 cho 654 sinh viên. Trong đó:

- Miễn 100%: 344 sinh viên
- Giảm 70%: 292 sinh viên
- Giảm 50%: 18 sinh viên

(Có danh sách và mức miễn giảm học phí đính kèm)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên, phòng Kế hoạch - Tài chính, các Phòng chức năng có liên quan và các sinh viên có tên trên căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 2 (để thi hành);
- CNTT-TV (đăng website);
- Lưu VT, CT-HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC

PGS.TS. Trịnh Xuân Tráng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC NGÀNH THUỘC ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2020 - 2021

(Theo Quyết định số: 1910 /QĐ - ĐHYD ngày 30 tháng 9 năm 2020)

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
I.	**Con thương binh, bệnh binh, con người nhiễm chất độc hóa học, con mồ côi, DTTS rất ít người thường trú tại vùng khó khăn, vùng ĐBKK**								
1	DTY1757203320007	Dương Quang	Hà	23/4/1999	CNXN K1	Kinh	Con nuôi TB 61%	100%	
2	DTY1857203010172	Nguyễn Thị Thu	Huyền	29/8/2000	CNĐD K15A	Kinh	Con TB 81%	100%	
3	DTY1857203010175	Trần Trọng	Mừng	24/7/2000	CNĐD K15A	Kinh	Con BB 75%	100%	
4	DTY1957203010055	Phạm Thị	Hoài	19/8/2001	CNĐD K16C	Kinh	Mồ côi cha mẹ	100%	
5	DTY1657204010110	Lê Thị	Vân	30/12/1998	Dược K12A	Ngái	Xã khó khăn	100%	
6	DTY1657204010072	Bùi Bích	Phương	02/4/1997	Dược K12B	Mường	Con NNCĐHH	100%	
7	DTY1657204010056	Nguyễn Thị Thanh	Mai	29/12/1998	Dược K12B	Kinh	Con BB 73%	100%	
8	DTY1757204010083	Nguyễn Trang	Nguyên	08/8/1999	Dược K13A	Kinh	Con TB 27%	100%	
9	DTY1757204010088	Trần Thị Thảo	Nhi	07/11/1999	Dược K13A	Kinh	Con TB 61%	100%	
10	DTY1757204010089	Trần Thị	Nhung	03/10/1999	Dược K13B	San chí	Con TB 31%	100%	
11	DTY1957202010007	Trần Ngọc	Anh	23/5/2001	Dược K15B	Kinh	Con BB 89%	100%	
12	DTY1957202010063	Nguyễn Thu	Hiền	28/5/2001	Dược K15B	Kinh	Con TB 41%	100%	
13	DTY1957202010069	Lê Minh	Hiếu	08/3/2001	Dược K15C	Kinh	Con TB 61%	100%	
14	DTY1557201010213	Đào Thị	Huệ	29/12/1997	K48A	Kinh	Con TB 21%	100%	
15	DTY1557201010445	Chu Thúy	Quỳnh	04/5/1997	K48A	Nùng	Con TB 1/4	100%	
16	DTY1557201010567	Nguyễn Quang	Trường	17/02/1997	K48C	Kinh	Con BB 81%	100%	
17	DTY1557201010239	Nguyễn Xuân	Huy	10/3/1997	K48D	Kinh	Con nuôi TB 33%	100%	
18	DTY1557201010296	Nguyễn Thùy	Linh	15/5/1997	K48D	Kinh	Con TB 4/4	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
19	DTY1557201010501	Nguyễn Như	Thông	17/9/1993	K48D	Kinh	Con BB 50%	100%	
20	DTY1557201010430	Khổng Thị Bích	Phượng	10/6/1997	K48E	Kinh	Con nuôi BB 61%	100%	
21	DTY1657201010034	Nghiêm Kim	Cương	01/02/1998	K49A	Kinh	Con BB 64%	100%	
22	DTY1657201010230	Lê Hồng	Sơn	09/4/1998	K49A	Kinh	Con TB 21%	100%	
23	DTY1657201010267	Nguyễn Thị Diệu	Thương	23/5/1998	K49B	Tày	Con TB 1/8	100%	
24	DTY1657201010044	Hà Thế	Dũng	15/01/1998	K49C	Kinh	Con BB 61%	100%	
25	DTY1657201010033	Bùi Văn	Công	04/10/1997	K49D	Kinh	Con BB 2/3	100%	
26	DTY1757201010266	Nguyễn Thị	Oanh	04/9/1999	K50B	Kinh	Con BB 65%	100%	
27	DTY1757201010312	Dương Công	Thắng	14/01/1998	K50B	Kinh	Con TB 41%	100%	
28	DTY1757201010018	Nguyễn Thị Vân	Anh	22/12/1998	K50C	Kinh	Con TB 36%	100%	
29	DTY1757201010217	Ngôn Thị Trà	My	26/10/1999	K50C	Tày	Con BB 66%	100%	
30	DTY1757201010248	Nguyễn Xuân	Nhật	26/10/1999	K50C	Kinh	Con TB 43%	100%	
31	DTY1757201010373	Lê Huyền	Trang	17/01/1999	K50C	Kinh	Con BB 81%	100%	
32	DTY1857201010012	Nguyễn Phương	Anh	30/7/2000	K51C	Kinh	Con TB 41%	100%	
33	DTY1857201010103	Trần Thị Phương	Hoa	04/01/2000	K51C	Kinh	Con TB 32%	100%	
34	DTY1857201010342	Bế Nhật	Tuấn	22/4/1999	K51C	Tày	Con TB 51%	100%	
35	DTY1857201010350	Nguyễn Thanh	Uyên	28/11/2000	K51C	Kinh	Mồ côi cha mẹ	100%	
36	DTY1957201010002	Hoàng Tường	An	19/02/2001	K52B	Kinh	Mồ côi cha mẹ	100%	
37	DTY1957201010294	Giàng Thị Quỳnh	Nga	08/8/2001	K52B	Lô Lô	Xã ĐBKK	100%	
38	DTY1957201010380	Mai Thị Thu	Thảo	05/7/2001	K52B	Kinh	Con NNCĐHH	100%	
39	DTY1957201010200	Cao Thị Khánh	Huyền	17/01/2000	K52G	Sách	Xã ĐBKK	100%	
40	DTY1457206010004	Nguyễn Thị Mỹ	Giang	22/05/1996	RHMK7	Kinh	Con nuôi BB 71%	100%	
41	DTY1557206010003	Phan Thị	Châu	01/9/1997	RHM K8	Kinh	Con TB 41%	100%	
42	DTY1557206010056	Nguyễn Ngọc	Tiến	23/7/1996	RHM K8	Kinh	Con TB 61%	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
43	DTY1557203020027	Trương Thị	Huế	19/3/1997	YHDP K9	Kinh	Con TB 38%	100%	
44	DTY1557203020039	Mai Khánh	Linh	21/4/1997	YHDP K9	Kinh	Con NNCĐHH	100%	
45	DTY1557203020048	Nguyễn Thanh	Nhài	02/11/1996	YHDP K9	Kinh	Con TB 45%	100%	
46	DTY1757201030021	Nguyễn Đức	Mạnh	12/10/1999	YHDP K11	Kinh	Con TB 41%	100%	
47	DTY1757201030029	Đào Văn	Thắng	07/4/1999	YHDP K11	Kinh	Con TB 21%	100%	
48	DTY1957201100024	Hoàng Thị	Yến	04/4/2001	YHDP K13	Kinh	Mô côi cha mẹ	100%	
49	DTY18K7201010001	Nguyễn Vĩnh	An	19/12/1989	CTY K50	Kinh	Con NNCĐHH	100%	LT. CQ
50	DTY18K7201010011	Lê Quảng	Đại	07/7/1997	CTY K50	Kinh	Con thương binh	100%	LT. CQ
51	DTY20K7201010024	Trần Thị Ngân	Giang	01/11/1985	CTY K52A	Kinh	Con NHCSNTB	100%	LT. CQ
II.	**Dân tộc thiểu số hộ nghèo/hộ cận nghèo**								
52	DTY1757203320026	Bùi Ngọc	Như	15/7/1998	XNYH K1	Mường	Hộ nghèo	100%	
53	DTY1857206010002	Lăng Thị Vân	Anh	27/11/2000	XNYH K2	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
54	DTY1857206010034	Nông Thị Kim	Ngân	30/5/2000	XNYH K2	Hoa	Hộ nghèo	100%	
55	DTY1957206010012	Đặng Thị	Hà	23/6/2001	XNYH K3	Sán dìu	Hộ nghèo	100%	
56	DTY1957206010044	Hoàng Thị Bích	Thục	01/4/2001	XNYH K3	Tày	Hộ nghèo	100%	
57	DTY1757205010103	Chu Thị	Lý	31/5/1999	CNĐD K14A	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
58	DTY1757205010036	Triệu Thị	Huyền	16/3/1999	CNĐD K14B	Dao	Hộ nghèo	100%	
59	DTY1757205010034	Lý Thị	Hường	22/4/1999	CNĐD K14B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
60	DTY1757205010033	Đinh Thị	Hường	21/8/1999	CNĐD K14B	Mường	Hộ nghèo	100%	
61	DTY1757205010041	Nông Thị	Kiều	25/01/1999	CNĐD K14B	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
62	DTY1757205010039	Hoàng Thị	Khánh	23/9/1999	CNĐD K14B	Tày	Hộ nghèo	100%	
63	DTY1757205010042	Hoàng Thị	Lan	23/5/1999	CNĐD K14B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
64	DTY1757205010051	Nông Thị Mai	Loan	22/11/1999	CNĐD K14B	Nùng	Hộ nghèo	100%	
65	DTY1757205010072	Đàm Thị	Thảo	05/11/1999	CNĐD K14B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
66	DTY1857203010169	Lăng Thị	Huệ	04/8/1999	CNĐD K15A	Nùng	Hộ nghèo	100%	
67	DTY1857203010015	Làn Thị	Dánh	09/10/2000	CNĐD K15B	Pà thẻn	Hộ cận nghèo	100%	
68	DTY1857203010026	Phan Hồng	Điệp	01/10/2000	CNĐD K15B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
69	DTY1857203010041	Dương Thị	Hằng	08/02/1999	CNĐD K15B	Kinh	Khuyết tật VĐ + H(	100%	
70	DTY1857203010076	Tếnh Thị	Liên	24/11/2000	CNĐD K15B	Mông	Hộ nghèo	100%	
71	DTY1857203010086	Lò Thị	May	26/02/2000	CNĐD K15B	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
72	DTY1857203010091	Ma Thị Hồng	Ngát	17/11/2000	CNĐD K15B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
73	DTY1857203010124	Dương Thị Huyền	Thu	25/10/2000	CNĐD K15B	Nùng	Hộ nghèo	100%	
74	DTY1857203010143	Hoàng Thị	Trang	20/02/2000	CNĐD K15B	Tày	Hộ nghèo	100%	
75	DTY1857203010037	Hà Thị	Hải	03/02/1999	CNĐD K15C	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
76	DTY1857203010038	Lường Thị	Hằng	02/8/2000	CNĐD K15C	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
77	DTY1857203010069	Tạ Thị	Kiều	23/02/2000	CNĐD K15C	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
78	DTY1857203010100	Hoàng Thị Hồng	Nhung	22/3/2000	CNĐD K15C	Nùng	Hộ nghèo	100%	
79	DTY1857203010103	Lầu Thị	Nhung	22/6/2000	CNĐD K15C	Mông	Hộ nghèo	100%	
80	DTY1857203010138	Đinh Thị Huyền	Trang	20/01/2000	CNĐD K15C	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
81	DTY1957203010211	Bùi Thị Phương	Ngọc	13/4/2001	CNĐD K16A	Mường	Hộ nghèo	100%	
82	DTY1957203010023	Hồ Nguyệt	Cử	14/01/2001	CNĐD K16B	Mông	Hộ nghèo	100%	
83	DTY1957203010022	Lương Thị Hoài	Chi	23/6/2001	CNĐD K16B	Tày	Hộ nghèo	100%	
84	DTY1957203010050	Chu Thị	Hoa	05/02/2001	CNĐD K16B	Tày	Hộ nghèo	100%	
85	DTY1957203010169	Mã Thị	Tiệp	21/10/2000	CNĐD K16B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
86	DTY1957203010185	Ngô Thị Hải	Yến	13/11/2001	CNĐD K16B	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
87	DTY1957203010004	Bàn Thị Vân	Anh	24/8/2001	CNĐD K16C	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
88	DTY1957203010020	Hoàng Thị Mai	Châm	17/09/2001	CNĐD K16C	Nùng	Hộ nghèo	100%	
89	DTY1957203010025	Nguyễn Đặng Thùy	Dương	07/8/2001	CNĐD K16C	Dao	Hộ nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
90	DTY1957203010034	Nguyễn Thị	Hà	18/11/2001	CNĐD K16C	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
91	DTY1957203010059	Lương Thanh	Huệ	08/4/2001	CNĐD K16C	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
92	DTY1957203010104	Bàn Thị	Luyến	27/5/2001	CNĐD K16C	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
93	DTY1957203010110	Lò Thị	Ly	25/02/2001	CNĐD K16C	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
94	DTY1957203010161	Lý Thị	Thùy	25/3/2001	CNĐD K16C	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
95	DTY1957203010154	Phàn Thị Kim	Thương	05/6/2001	CNĐD K16C	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
96	DTY1957203010060	Mông Thị	Huệ	07/07/2001	CNĐD K16D	Tày	Hộ nghèo	100%	
97	DTY1957203010078	Triệu Thị	Lan	27/8/2001	CNĐD K16D	Dao	Hộ nghèo	100%	
98	DTY1957203010122	La Thị	Nhài	16/02/1999	CNĐD K16D	Tày	Hộ nghèo	100%	
99	DTY1957203010130	Nguyễn Kim	Oanh	20/5/2001	CNĐD K16D	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
100	DTY1957203010160	Trịnh Thị	Thúy	25/10/2001	CNĐD K16D	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
101	DTY1657204010004	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/10/1998	Dược K12A	Hoa	Hộ nghèo	100%	
102	DTY1657204010027	Nguyễn Công	Hậu	17/7/1998	Dược K12A	Cao lan	Hộ cận nghèo	100%	
103	DTY1657204010029	Nguyễn Thị	Hiền	25/03/1998	Dược K12A	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
104	DTY1557204010071	Bàn Vũ Tiểu	Linh	16/12/1996	Dược K12A	Dao	Hộ nghèo	100%	
105	DTY1657204010075	Hà Thị Lệ	Quyên	01/5/1998	Dược K12A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
106	DTY1657204010092	Nông Văn	Thường	15/5/1998	Dược K12A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
107	DTY1657204010006	Bùi Thị Kiều	Anh	16/11/1998	Dược K12B	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
108	DTY1657204010067	Hầu Thị	Ngọc	23/04/1997	Dược K12B	Sán chí	Hộ cận nghèo	100%	
109	DTY1657204010111	Phạm Thị Hải	Yến	20/02/1997	Dược K12B	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
110	DTY1757204010046	Nguyễn Lan	Hương	07/09/1999	Dược K13A	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
111	DTY1757204010100	Hoàng Thị Kim	Phượng	10/11/1998	Dược K13A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
112	DTY1757204010086	Lương Thị	Nha	03/8/1999	Dược K13B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
113	DTY1757204010087	Hứa Thị	Nhạy	04/8/1998	Dược K13B	Nùng	Hộ nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
114	DTY1757204010109	Giàng A	Sổ	06/7/1999	Dược K13B	Mông	Hộ nghèo	100%	
115	DTY1757204010119	Bùi Thị	Thảo	17/8/1997	Dược K13B	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
116	DTY1857202010025	Giàng Thị	Dông	03/5/1999	Dược K14A	Mông	Hộ nghèo	100%	
117	DTY1857202010045	Lê Thị	Hà	16/7/2000	Dược K14A	Tày	Hộ nghèo	100%	
118	DTY1857202010183	Nịnh Thị	Tuyết	30/12/2000	Dược K14A	Cao lan	Hộ cận nghèo	100%	
119	DTY1857202010099	Mông Thị	Luyến	01/12/2000	Dược K14B	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
120	DTY1857202010061	Chu Thị Thu	Hiền	20/02/2000	Dược K14C	Dao	Hộ nghèo	100%	
121	DTY1857202010123	Hoàng Thị	Nhung	19/6/2000	Dược K14C	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
122	DTY1857202010169	Hoàng Thị	Tình	1/12/1999	Dược K14C	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
123	DTY1857202010184	Lỳ Y	Ua	06/02/2000	Dược K14C	Mông	Hộ cận nghèo	100%	
124	DTY1957202010020	Lục Thị Ngọc	Ánh	15/02/2001	Dược K15A	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
125	DTY1957202010048	Hứa Văn	Giang	29/9/2001	Dược K15A	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
126	DTY1957202010109	Quàng Thị	Kim	08/11/2001	Dược K15A	Thái	Hộ nghèo	100%	
127	DTY1957202010026	Nông Thị	Chuyên	14/9/2001	Dược K15B	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
128	DTY1957202010027	Hoàng Thị	Chuyền	06/8/2001	Dược K15B	Tày	Hộ nghèo	100%	
129	DTY1957202010100	Hà Thương	Huyền	27/3/2001	Dược K15B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
130	DTY1957202010170	Bùi Mạnh	Thắng	17/10/2000	Dược K15B	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
131	DTY1957202010216	Bùi Thị	Yến	20/3/1997	Dược K15B	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
132	DTY1957202010031	Lê Thị	Dung	01/01/2001	Dược K15C	Mường	Hộ nghèo	100%	
133	DTY1957202010070	Lăng Khánh	Hiệu	14/02/2001	Dược K15C	Nùng	Hộ nghèo	100%	
134	DTY1957202010133	Phàn Thị	Mẩy	01/6/2001	Dược K15C	Dao	Hộ nghèo	100%	
135	DTY1957202010180	Hoàng Thị Kim	Thúy	14/02/2001	Dược K15C	Tày	Hộ nghèo	100%	
136	DTY1957202010192	Tô Thị	Trang	10/10/2001	Dược K15C	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
137	DTY1957202010194	Hoàng Thị Thu	Trang	13/10/2001	Dược K15C	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
138	DTY1357201010238	Phạm Thị	Hồng	25/02/1993	K46D	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
139	DTY1557201010073	Lã Văn	Dân	02/10/1996	K48A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
140	DTY1557201010189	Bùi Linh	Hiếu	27/3/1997	K48A	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
141	DTY1557201010224	Triệu Thị	Hương	14/6/1996	K48A	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
142	DTY1557201010341	Nông Đức	Mạnh	28/1/1994	K48A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
143	DTY1557201010465	Lèng Thị	Tân	24/9/1996	K48A	Nùng	Hộ nghèo	100%	
144	DTY1557201010573	Hoàng Anh	Tú	07/12/1994	K48A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
145	DTY1557201010514	Chu Thị	Thúy	25/6/1995	K48A	Nùng	Hộ nghèo	100%	
146	DTY1557201010509	Hoàng Thị	Thưởng	24/7/1996	K48A	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
147	DTY1557201010598	Dương Thị	Vân	13/5/1996	K48A	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
148	DTY1557201010616	Đinh Thị	Yến	04/9/1997	K48A	Mường	Hộ nghèo	100%	
149	DTY1557201010113	La Thị	Đáo	16/9/1997	K48B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
150	DTY1557201010123	Nguyễn Việt	Đức	30/11/1997	K48B	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
151	DTY1557201010351	Hoàng Thị	Mơ	17/7/1997	K48B	Nùng	Hộ nghèo	100%	
152	DTY1557201010403	La Thùy	Ninh	16/3/1997	K48B	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
153	DTY1457201010329	Dương Thị Huyền	Trang	11/01/1995	K48B	Nùng	Hộ nghèo	100%	
154	DTY1557201010107	Đinh Khương	Duy	18/11/1996	K48C	Sán chí	Hộ cận nghèo	100%	
155	DTY1557201010168	Phương Thị	Hằng	06/10/1996	K48C	Tày	Hộ nghèo	100%	
156	DTY1557201010204	Lý Thị	Hồng	03/3/1997	K48C	Tày	Hộ nghèo	100%	
157	DTY1557201010276	Lò Thị	Lan	06/07/1996	K48C	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
158	DTY1557201010321	Lâm Thị	Lụa	21/01/1996	K48C	Tày	Hộ nghèo	100%	
159	DTY1557201010378	Hoàng Thị	Ngọc	19/3/1996	K48C	Tày	Hộ nghèo	100%	
160	DTY1557201010437	Chung Thị	Quý	28/10/1997	K48C	Nùng	Hộ nghèo	100%	
161	DTY1557201010091	Đào Thị	Dung	15/01/1997	K48D	Tày	Hộ nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
162	DTY1557201010102	Trần Thị	Dương	10/4/1996	K48D	Sán dìu	Hộ nghèo	100%	
163	DTY1557201010172	Hoàng Bích	Hạnh	05/11/1995	K48D	Tày	Hộ nghèo	100%	
164	DTY1557201010277	Phạm Ngọc	Lan	04/11/1997	K48D	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
165	DTY1557201010585	Hoàng Thị	Tươi	15/4/1997	K48D	Sán dìu	Hộ nghèo	100%	
166	DTY1557201010519	Lương Thị	Thúy	16/8/1996	K48D	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
167	DTY1557201010037	Dương Văn	Bằng	08/3/1996	K48E	Tày	Hộ nghèo	100%	
168	DTY1557201010241	Ma Vũ	Huy	12/11/1997	K48E	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
169	DTY1557201010537	Trần Thị	Tình	24/04/1997	K48E	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
170	DTY1557201010601	Đinh Thùy	Vân	17/12/1996	K48E	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
171	DTY1557201010004	Vi Ngọc	Anh	27/10/1996	K48G	Tày	Hộ nghèo	100%	
172	DTY1557201010003	Bùi Thị Quỳnh	Anh	05/11/1996	K48G	Tày	Hộ nghèo	100%	
173	DTY1557201010050	Lò Thị	Bun	15/12/1996	K48G	Lào	Hộ nghèo	100%	
174	DTY1557201010146	Đinh Hải	Hà	26/6/1996	K48G	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
175	DTY1557201010144	Phạm Thị	Hà	28/9/1996	K48G	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
176	DTY1557201010316	La Văn	Lĩnh	11/9/1996	K48G	San chí	Hộ nghèo	100%	
177	DTY1557201010330	Nguyễn Thị Minh	Lý	11/8/1996	K48G	Mường	Hộ nghèo	100%	
178	DTY1557201010365	Phạm Thị	Nga	04/9/1996	K48G	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
179	DTY1557201010009	Hoàng Thị Ngọc	Anh	01/07/1996	K48I	Tày	Hộ nghèo	100%	
180	DTY1557201010479	Bùi Thị Phương	Thảo	10/10/1996	K48I	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
181	DTY1657201010084	Dư Minh	Hiếu	12/01/1998	K49A	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
182	DTY1657201010161	Bùi Thị	Linh	06/01/1998	K49A	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
183	DTY1657201010177	Trần Quốc	Long	01/12/1997	K49A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
184	DTY1657201010194	Bùi Thị	Ngân	11/6/1997	K49A	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
185	DTY1657201010213	Làm Thị	Phương	21/7/1998	K49A	Hoa	Hộ cận nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
186	DTY1657201010224	Ma Thúy	Quỳnh	29/01/1997	K49A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
187	DTY1657201010281	Nguyễn Thị	Trang	19/7/1998	K49A	Dao	Hộ nghèo	100%	
188	DTY1657201010072	Thân Thị	Hằng	02/9/1998	K49B	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
189	DTY1657201010076	Vi Thị Thanh	Hiền	14/5/1998	K49B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
190	DTY1657201010134	Lê Văn	Huy	26/7/1995	K49B	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
191	DTY1657201010197	Nông Thị	Nguyên	06/12/1997	K49B	Tày	Hộ nghèo	100%	
192	DTY1657201010225	Hoàng Thị Hương	Quỳnh	29/6/1997	K49B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
193	DTY1657201010260	Chu Thị	Thiều	16/11/1997	K49B	Tày	Hộ nghèo	100%	
194	DTY1657201010021	Bùi Thị	Ánh	06/01/1997	K49C	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
195	DTY1657201010040	Nguyễn Huy	Du	28/12/1997	K49C	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
196	DTY1657201010077	Trần Thị Thu	Hiền	06/01/1997	K49C	Tày	Hộ nghèo	100%	
197	DTY1657201010148	Hà Thị Huệ	Lanh	24/8/1997	K49C	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
198	DTY1657201010170	Quách Công	Linh	04/12/1998	K49C	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
199	DTY1657201010199	Phạm Văn	Nhuận	5/6/1998	K49C	Mường	Hộ nghèo	100%	
200	DTY1657201010239	Bế Văn	Thanh	18/2/1997	K49C	Tày	Hộ nghèo	100%	
201	DTY1657201010235	Hoàng Hồng	Thắm	16/10/1998	K49C	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
202	DTY1657201010118	Trần Việt	Hùng	23/7/1998	K49D	Cao lan	Hộ cận nghèo	100%	
203	DTY1657201010136	Lục Thanh	Huyền	19/02/1997	K49D	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
204	DTY1657201010174	Lữ Văn	Lợi	23/3/1998	K49D	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
205	DTY1657201010205	Lý Hoàng	Oanh	12/8/1997	K49D	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
206	DTY1657201010209	Hà Quang	Phong	01/9/1994	K49D	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
207	DTY1657201010242	Nguyễn Văn	Thành	06/02/1998	K49D	Tày	Hộ nghèo	100%	
208	DTY1657201010237	Nguyễn Đức	Thắng	12/3/1998	K49D	Mường	Hộ nghèo	100%	
209	DTY1657201010258	Lê Đình	Thiên	23/12/1997	K49D	Thổ	Hộ nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
210	DTY1657201010262	Liễu Thị Kim	Thoa	27/3/1997	K49D	Nùng	Hộ nghèo	100%	
211	DTY1757201010155	Trương Thị	Huyền	27/01/2000	K50A	Thổ	Hộ cận nghèo	100%	
212	DTY1757201010213	Xồng Rê	Mi	04/05/1999	K50A	Mông	Hộ nghèo	100%	
213	DTY1757201010370	Nguyễn Thị Hà	Trang	21/01/1998	K50A	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
214	DTY1757201010050	Nông Thị	Dung	28/9/1999	K50B	Tày	Hộ nghèo	100%	
215	DTY1757201010103	Đặng Thị	Hảo	15/09/1999	K50B	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
216	DTY1757201010107	Sa Thị	Hiền	18/09/1999	K50B	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
217	DTY1757201010133	Lý Tiến	Hội	15/4/1999	K50B	Dao	Hộ nghèo	100%	
218	DTY1757201010159	La Thị	Huyền	10/8/1999	K50B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
219	DTY1757201010241	Nông Thị Hiền	Ngọc	12/7/1999	K50B	Tày	Hộ nghèo	100%	
220	DTY1757201010246	Hà Thị	Nguyệt	11/10/1999	K50B	Tày	Hộ nghèo	100%	
221	DTY1757201010308	Nông Thị	Thắm	04/11/1998	K50B	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
222	DTY1757201010357	Lục Thị Thanh	Thủy	04/12/1999	K50B	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
223	DTY1757201010067	Hoàng Văn	Độ	05/06/1997	K50C	Tày	Hộ nghèo	100%	
224	DTY1757201010134	Nguyễn Thị	Hồng	28/3/1999	K50C	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
225	DTY1757201010139	Đặng Thị	Huệ	21/01/1999	K50C	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
226	DTY1757201010228	Bùi Thị	Nga	10/09/1999	K50C	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
227	DTY1757201010268	Lương Thị	Phấn	18/7/1999	K50C	Cao lan	Hộ cận nghèo	100%	
228	DTY1757201010242	Bùi Minh	Nguyệt	03/01/1999	K50D	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
229	DTY1757201010334	Nguyễn Thị	Thiếp	19/01/1997	K50D	Tày	Hộ nghèo	100%	
230	DTY1757201010368	Khương Thùy	Trang	10/12/1999	K50D	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
231	DTY1757201010414	Vi Văn	Yên	15/02/1999	K50D	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
232	DTY1757201010030	Dương Thị Thanh	Bình	24/09/1998	K50E	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
233	DTY1757201010080	Bùi Thị	Giang	23/3/1998	K50E	Mường	Hộ cận nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
234	DTY1757201010144	Hoàng Thị Linh	Hương	09/02/1998	K50E	Tày	Hộ nghèo	100%	
235	DTY1757201010216	Quách Thị	Minh	16/01/1998	K50E	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
236	DTY1757201010285	Bùi Minh	Quyết	01/02/1995	K50E	Mường	Hộ nghèo	100%	
237	DTY1757201010318	Đinh Trường	Thành	25/12/1998	K50E	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
238	DTY1757201010355	Lô Thị	Thủy	14/12/1998	K50E	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
239	DTY1757201010023	Bùi Thị	Ánh	14/8/1998	K50G	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
240	DTY1757201010118	Nguyễn Việt	Hoa	06/09/1998	K50G	Tày	Hộ nghèo	100%	
241	DTY1757201010234	Hoàng Thị Hồng	Ngát	03/3/1998	K50G	Tày	Hộ nghèo	100%	
242	DTY1757201010243	Lê Thị Ánh	Nguyệt	09/11/1998	K50G	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
243	DTY1757201010254	Hoàng Thị Hồng	Nhung	25/01/1998	K50G	Tày	Hộ nghèo	100%	
244	DTY1757201010341	Ngân Dương Hoài	Thu	08/8/1998	K50G	Mông	Hộ nghèo	100%	
245	DTY1757201010419	Đỗ Thị Hoàng	Yến	30/3/1998	K50G	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
246	DTY1857201010051	Tẩn Thị	Diều	29/01/2000	K51A	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
247	DTY1857201010062	Chu Đức	Dương	27/01/2000	K51A	Tày	Hộ nghèo	100%	
248	DTY1857201010092	Dương Thị	Hằng	20/3/2000	K51A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
249	DTY1857201010154	Lương Thị Ngọc	Huyền	28/9/2000	K51A	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
250	DTY1857201010177	Đinh Văn	Linh	10/7/1998	K51A	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
251	DTY1857201010200	Nguyễn Thị	Mai	16/01/1999	K51A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
252	DTY1857201010231	Hoàng Yến	Nhi	08/12/1999	K51A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
253	DTY1857201010139	Hoàng Thị	Hường	18/11/2000	K51B	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
254	DTY1857201010161	Ma Thị Xuân	Kiều	30/8/2000	K51B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
255	DTY1857201010169	Lò Thị	Lan	21/5/1999	K51B	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
256	DTY1857201010213	Lương Thị Trà	My	07/7/2000	K51B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
257	DTY1857201010253	Phạm Văn	Quang	04/3/1999	K51B	Mường	Hộ cận nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
258	DTY1857201010271	Hoàng Văn	Thái	11/02/2000	K51B	Tày	Hộ nghèo	100%	
259	DTY1857201010308	Hoàng Thị	Thùy	13/11/2000	K51B	Nùng	Hộ nghèo	100%	
260	DTY1857201010353	Sầm Thị Thu	Uyên	11/9/1999	K51B	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
261	DTY1857201010358	Hà Thị	Việt	05/5/2000	K51B	Hoa	Hộ cận nghèo	100%	
262	DTY1857201010024	Hứa Thị	Ánh	02/6/2000	K51C	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
263	DTY1857201010036	Nguyễn Thị	Chẩm	06/5/2000	K51C	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
264	DTY1857201010140	Ngô Thị Mỹ	Hường	30/11/1999	K51C	Sán chí	Hộ cận nghèo	100%	
265	DTY1857201010307	Hoàng Thị	Thúy	23/7/2000	K51C	Tày	Hộ nghèo	100%	
266	DTY1857201010028	Vi Thị Ngọc	Bích	24/4/2000	K51D	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
267	DTY1857201010052	Đàm Thị Hồng	Diệu	23/10/2000	K51D	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
268	DTY1857201010071	Phan Anh	Đào	20/5/2000	K51D	Mường	Hộ nghèo	100%	
269	DTY1857201010263	Lò Thị	Son	13/3/1999	K51D	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
270	DTY1857201010287	Ma Thị	Thiết	06/3/2000	K51D	Tày	Hộ nghèo	100%	
271	DTY1857201010294	Nguyễn Thị Hoài	Thu	10/10/2000	K51D	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
272	DTY1857201010357	Hà Chí	Viện	27/10/1999	K51D	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
273	DTY1857201010021	Ma Thị	Ánh	01/12/2000	K51E	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
274	DTY1857201010065	Đinh Công	Dương	29/02/2000	K51E	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
275	DTY1857201010090	Diệp Thúy	Hằng	03/10/2000	K51E	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
276	DTY1857201010120	Lương Thị Thu	Hồng	22/9/2000	K51E	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
277	DTY1857201010119	Hoàng Thị	Hơn	20/01/1999	K51E	Nùng	Hộ nghèo	100%	
278	DTY1857201010137	Triệu Thị	Hường	13/9/1999	K51E	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
279	DTY1857201010159	Triệu Thị	Khé	12/9/1998	K51E	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
280	DTY1857201010256	Ma Diệu	Quỳnh	18/01/1999	K51E	Dao	Hộ nghèo	100%	
281	DTY1857201010262	Sùng A	Sở	05/02/1996	K51E	Mông	Hộ cận nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
282	DTY1857201010304	Ma Thị	Thùy	19/7/2000	K51E	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
283	DTY1857201010355	Thào A	Vàng	05/6/2000	K51E	Mông	Hộ nghèo	100%	
284	DTY1857201010367	Ma Thị	Yến	30/9/1999	K51E	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
285	DTY1957201010004	Lô Thị Hưng	Anh	13/10/2001	K52A	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
286	DTY1957201010055	Hà Thị	Dung	31/01/2001	K52A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
287	DTY1957201010152	Vi Thị Thu	Hoài	16/01/2001	K52A	Cao lan	Hộ cận nghèo	100%	
288	DTY1957201010159	Phạm Ngọc	Hoàng	14/9/2000	K52A	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
289	DTY1957201010416	Nguyễn Thị	Thủy	21/7/2001	K52A	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
290	DTY1957201010030	Hoàng Ngọc	Ánh	13/9/2001	K52B	Ngạn	Hộ cận nghèo	100%	
291	DTY1957201010149	Lò Thị	Hoa	04/6/2000	K52B	Thái	Hộ nghèo	100%	
292	DTY1957201010277	Nông Thị	Mai	25/11/2001	K52B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
293	DTY1957201010356	Lê Ngọc	Sáng	15/4/2000	K52B	Hoa	Hộ cận nghèo	100%	
294	DTY1957201010381	Lưu Thị Phương	Thảo	12/9/2000	K52B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
295	DTY1957201010390	Dương Quang	Thiện	30/01/2001	K52B	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
296	DTY1957201010444	Hoàng Thị Việt	Trinh	30/8/2001	K52B	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
297	DTY1957201010050	Mông Thị	Diện	31/7/2001	K52C	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
298	DTY1957201010093	Vi Huỳnh	Đức	09/02/2000	K52C	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
299	DTY1957201010137	Triệu Thị	Hiếu	05/5/2001	K52C	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
300	DTY1957201010281	Ma Thị	Mạnh	05/02/2001	K52C	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
301	DTY1957201010327	Lý Thị	Nhung	15/8/2001	K52C	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
302	DTY1957201010408	Nguyễn Thị	Thương	03/2/2001	K52C	Tày	Hộ nghèo	100%	
303	DTY1957201010271	Triệu Thị	Lý	04/01/2001	K52D	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
304	DTY1957201010387	Lường Thị	Thảo	15/5/2000	K52D	Thái	Hộ cận nghèo	100%	
305	DTY1957201010417	Sầm Thị	Thủy	28/3/2001	K52D	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
306	DTY1957201010290	Nguyễn Thị Thúy	Mười	24/04/2000	K52E	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
307	DTY1957201010274	Bùi Thị Tuyết	Mai	05/9/2001	K52E	Mường	Hộ nghèo	100%	
308	DTY1957201010454	Phan Ngọc	Tú	21/11/2001	K52E	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
309	DTY1957201010241	Thân Thị Thùy	Linh	02/11/2001	K52G	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
310	DTY1957201010362	Ma Thị Hồng	Tâm	05/5/2001	K52G	Tày	Hộ nghèo	100%	
311	DTY1957201010413	Lê Thị Phương	Thùy	09/01/2000	K52G	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
312	DTY1957201010170	Đinh Phương	Huế	20/10/2001	K52H	Mường	Hộ nghèo	100%	
313	DTY1957201010224	Mạc Thị	Liên	14/02/2000	K52H	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
314	DTY1957201010248	Triệu Thị	Linh	09/9/2001	K52H	Nùng	Hộ nghèo	100%	
315	DTY1957201010261	Bùi Văn	Lợi	31/7/2000	K52H	Mường	Hộ cận nghèo	100%	
316	DTY1957201010267	Lăng Thị	Luyến	15/5/2000	K52H	Tày	Hộ nghèo	100%	
317	DTY1957201010037	La Thị	Biến	20/4/2001	K52I	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
318	DTY1957201010314	Lăng Quang	Nhật	16/02/2001	K52I	Tày	Hộ nghèo	100%	
319	DTY1957201010323	Nguyễn Thị	Nhung	11/12/2000	K52I	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
320	DTY1957201010377	Nông Thị Minh	Thảo	24/7/2000	K52I	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
321	DTY1957201010477	Nông Quốc	Việt	23/11/2000	K52I	Nùng	Hộ nghèo	100%	
322	DTY1557206010020	Hoàng Thị	Hiền	02/6/1997	RHM K8	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
323	DTY1557206010023	Hoàng Thị	Hồng	13/9/1996	RHM K8	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
324	DTY1657206010002	Vy Thị Phương	Anh	08/9/1998	RHM K9	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
325	DTY1657206010010	Sầm Thị	Diệu	30/11/1997	RHM K9	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
326	DTY1657206010011	Lương Thị	Hà	01/02/1998	RHM K9	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
327	DTY1757206010019	Bàng Thị	Nở	05/8/1999	RHM K10	Cao lan	Hộ nghèo	100%	
328	DTY1757206010023	Nịnh Thị	Thường	23/10/1999	RHM K10	Cao lan	Hộ cận nghèo	100%	
329	DTY1857205010016	Sa Thị	Lan	06/6/1999	RHM K11	Thái	Hộ cận nghèo	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
330	DTY1857205010029	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	25/8/2000	RHM K11	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
331	DTY1857205010028	Đinh Thị	Thoa	11/10/2000	RHM K11	Tày	Hộ nghèo	100%	
332	DTY1957205010015	Dương Mai	Hương	12/9/2001	RHM K12	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
333	DTY1557203020022	Hoàng Văn	Hiệu	23/3/1997	YHDP K9	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
334	DTY1557203020071	Trần Thanh	Thương	09/7/1997	YHDP K9	Nùng	Hộ nghèo	100%	
335	DTY1557203020077	Triệu Thị	Yến	06/02/1996	YHDP K9	Dao	Hộ cận nghèo	100%	
336	DTY1657203020001	Vũ Thị	Ánh	24/12/1997	YHDP K10	Tày	Hộ nghèo	100%	
337	DTY1657203020005	Hoàng Thị	Dung	15/01/1997	YHDP K10	Nùng	Hộ nghèo	100%	
338	DTY1657203020009	Diệp Thị	Hà	10/06/1998	YHDP K10	Sán dìu	Hộ cận nghèo	100%	
339	DTY1757201030005	Lưu Thùy	Dung	26/3/1998	YHDP K11	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
340	DTY1757201030012	Nguyễn Thị Thu	Hiền	19/01/1999	YHDP K11	Tày	Hộ cận nghèo	100%	
341	DTY1857201100003	Ma Thị Minh	Chi	01/02/2000	YHDP K12	Tày	Hộ nghèo	100%	
342	DTY1857201100009	Phùng Thúy	Hà	28/10/1998	YHDP K12	Nùng	Hộ cận nghèo	100%	
343	DTY1857201100011	Ngụy Thị Thu	Hà	06/02/2000	YHDP K12	Tày	Hộ nghèo	100%	
344	DTY1857201100029	Hoàng Thị	Phương	22/02/1998	YHDP K12	Tày	Hộ nghèo	100%	
III.	**Dân tộc thiểu số thường trú tại xã ĐBKK/62HN**								
345	DTY1757203320028	Ma Thị Tuyết	Nhung	21/11/1999	CNXN K1	Tày	Xã ĐBKK	70%	
346	DTY1757203320035	Đặng Huyền	Trang	09/10/1999	CNXN K1	Tày	Xã ĐBKK	70%	
347	DTY1857206010010	Hoàng Thị	Đào	04/01/2000	CNXN K2	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
348	DTY1857206010040	Lưu Thị	Thá	03/10/2000	CNXN K2	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
349	DTY1957206010018	Thi Thị Thục	Hiền	10/8/2001	XNYH K3	Nùng	Huyện nghèo	70%	
350	DTY1957206010035	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	05/01/2001	XNYH K3	Tày	Xã ĐBKK	70%	
351	DTY1957206010036	Đinh Thị	Nhân	30/4/2001	XNYH K3	Thổ	Xã ĐBKK	70%	
352	DTY1957206010038	Lý Thị	Sinh	03/4/2001	XNYH K3	Dao	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
353	DTY1957206010045	Long Thị	Trà	08/7/2000	XNYH K3	Tày	Xã ĐBKK	70%	
354	DTY1957206010056	Vi Thị	Yến	07/8/2001	XNYH K3	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
355	DTY1757205010107	Phùng Thị Ánh	Nguyệt	21/9/1999	CNĐD K14A	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
356	DTY1757205010029	Lê Thị Thảo	Hương	08/7/1999	CNĐD K14B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
357	DTY1757205010071	Bùi Thị Diễm	Quỳnh	14/6/1999	CNĐD K14B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
358	DTY1757205010078	Dương Thị	Thương	04/11/1999	CNĐD K14B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
359	DTY1857203010157	Nguyễn Khánh	Chi	21/8/2000	CNĐD K15A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
360	DTY1857203010174	Đặng Thùy	Linh	17/02/1999	CNĐD K15A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
361	DTY1857203010181	Hoàng Thu	Thảo	19/9/2000	CNĐD K15A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
362	DTY1857203010010	Ma Khắc	Canh	02/9/2000	CNĐD K15B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
363	DTY1857203010020	Đinh Thị Thùy	Dung	01/5/2000	CNĐD K15B	Mường	Xã ĐBKK	70%	
364	DTY1857203010035	Lăng Thị	Hạ	12/9/2000	CNĐD K15B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
365	DTY1857203010070	Hà Thanh	Lam	25/01/2000	CNĐD K15B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
366	DTY1857203010130	Bùi Ngọc	Thúy	15/3/2000	CNĐD K15B	Mường	Xã ĐBKK	70%	
367	DTY1857203010018	Lò Thị	Diệp	21/01/2000	CNĐD K15C	Thái	Xã ĐBKK	70%	
368	DTY1857203010063	Bùi Thị	Hường	13/01/2000	CNĐD K15C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
369	DTY1857203010074	Nguyễn Thị	Lịch	12/3/2000	CNĐD K15C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
370	DTY1857203010075	Ma Thị Thùy	Liên	13/6/2000	CNĐD K15C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
371	DTY1857203010087	Ngô Thị	Mến	03/11/2000	CNĐD K15C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
372	DTY1957203010206	Đỗ Khánh	Linh	24/7/2001	CNĐD K16A	Dao	Xã ĐBKK	70%	
373	DTY1957203010209	Đinh Thị	Mai	25/3/2001	CNĐD K16A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
374	DTY1957203010215	Triệu Thị	Tính	14/5/2001	CNĐD K16A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
375	DTY1957203010032	Nông Quan	Hà	18/3/2001	CNĐD K16B	Dao	Xã ĐBKK	70%	
376	DTY1957203010041	Ma Thị	Hằng	27/3/2001	CNĐD K16B	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
377	DTY1957203010106	Hà Khánh	Ly	09/6/2001	CNĐD K16B	Mường	Xã ĐBKK	70%	
378	DTY1957203010164	Sầm Thị	Thủy	10/11/2001	CNĐD K16B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
379	DTY1957203010165	Nông Thị	Thuyền	20/8/2001	CNĐD K16B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
380	DTY1957203010192	Sèn Văn	Chung	28/8/2001	CNĐD K16C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
381	DTY1957203010085	Mông Quang	Linh	05/11/2000	CNĐD K16C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
382	DTY1957203010123	Nguyễn Thị	Nhàn	16/02/2001	CNĐD K16C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
383	DTY1957203010166	Hoàng Thị	Thuyện	20/5/2001	CNĐD K16C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
384	DTY1957203010048	Hoàng Thị Thanh	Hiền	16/12/2000	CNĐD K16D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
385	DTY1957203010151	Lữ Thị	Thu	12/3/2001	CNĐD K16D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
386	DTY1957203010182	Đinh Thị Hải	Yến	18/12/2001	CNĐD K16D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
387	DTY1657204010002	Quàng Thị Phương	Anh	01/6/1997	Dược K12A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
388	DTY1657204010001	Mai Thị Mai	Anh	12/8/1998	Dược K12A	Tày	62 HN	70%	
389	DTY1657204010009	Nguyễn Tuấn	Bằng	22/9/1997	Dược K12A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
390	DTY1657204010019	Hà Văn	Đông	26/4/1998	Dược K12A	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
391	DTY1657204010055	Phạm Thị Yến	Ly	14/3/1998	Dược K12A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
392	DTY1657204010080	Bùi Minh	Thành	15/5/1998	Dược K12A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
393	TY1657204010084	Trần Thị Phương	Thảo	15/5/1998	Dược K12A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
394	DTY1657204010011	Đặng Thị	Châu	20/4/1997	Dược K12B	Mường	Xã ĐBKK	70%	
395	DTY1657204010071	Quách Tiểu	Phương	01/121997	Dược K12B	Mường	Xã ĐBKK	70%	
396	DTY1757204010029	Phó Thị	Hải	10/9/1999	Dược K13A	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
397	DTY1757204010040	Hoàng Thảo	Huế	28/9/1998	Dược K13A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
398	DTY1757204010042	Long Thị	Huệ	09/08/1998	Dược K13A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
399	DTY1757204010091	Lèng Thị	Nhung	15/12/1999	Dược K13A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
400	DTY1757204010108	Hoàng Thị	Sinh	06/5/1998	Dược K13A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
401	DTY1757204010133	Vi Thị	Tuyết	30/9/1999	Dược K13A	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
402	DTY1757204010027	Lương Thị Hồng	Hà	01/11/1999	Dược K13B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
403	DTY1757204010078	Nguyễn Thị	Nga	11/11/1999	Dược K13B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
404	DTY1757204010099	Trần Thảo	Phương	01/6/1998	Dược K13B	Tày	62HN	70%	
405	DTY1757204010110	Hà Ngọc	Tân	03/01/1998	Dược K13B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
406	DTY1857202010058	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/10/2000	Dược K14A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
407	DTY1857202010085	Bàng Thị	Lan	27/02/2000	Dược K14A	San chí	Xã ĐBKK	70%	
408	DTY1857202010130	Nguyễn Ngọc	Phi	10/8/2000	Dược K14A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
409	DTY1857202010175	Vi Thị Kiều	Trinh	11/9/2000	Dược K14A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
410	DTY1857202010092	Lê Thùy	Linh	11/6/2000	Dược K14B	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
411	DTY1857202010144	Dương Thị	Tâm	17/01/2000	Dược K14B	Cao lan	Xã ĐBKK	70%	
412	DTY1857202010165	Hạc Phương	Thùy	09/12/2000	Dược K14B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
413	DTY1857202010159	Nông Thị Mai	Thư	18/10/2000	Dược K14B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
414	DTY1857202010047	Lò Thị	Hà	15/5/2000	Dược K14C	Thái	Xã ĐBKK	70%	
415	DTY1857202010112	Lò Thị	Nghĩa	28/02/2000	Dược K14C	Thái	Xã ĐBKK	70%	
416	DTY1857202010190	Vương Thị	Yên	21/02/1999	Dược K14C	Giáy	62HN	70%	
417	DTY1957202010028	Chu Xuân	Diệu	22/6/2001	Dược K15A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
418	DTY1957202010074	Lý Thu	Hoài	08/2/2001	Dược K15A	Nùng	62HN	70%	
419	DTY1957202010115	Dương Xuân	Liêm	12/01/2001	Dược K15A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
420	DTY1957202010155	Nông Thị	Ơn	14/2/2001	Dược K15A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
421	DTY1957202010172	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/10/2001	Dược K15A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
422	DTY1957202010212	Đinh Thiện	Xuân	12/01/2001	Dược K15A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
423	DTY1957202010213	Nguyễn Đào Ngọc	Yến	12/5/2001	Dược K15A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
424	DTY1957202010111	Hoàng Quỳnh	Lan	12/04/2001	Dược K15B	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
425	DTY1957202010119	Đỗ Hà	Linh	05/9/2001	Dược K15B	Thái	Huyện nghèo	70%	
426	DTY1957202010117	Nông Thị Kiều	Linh	03/7/2001	Dược K15B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
427	DTY1957202010166	Lê Quang	Sự	09/8/2001	Dược K15B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
428	DTY1957202010201	Triệu Minh	Tuấn	24/7/2001	Dược K15B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
429	DTY1957202010208	Lý Thu	Uyên	16/12/2001	Dược K15B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
430	DTY1957202010058	Cứ Thị	Hạnh	17/3/2001	Dược K15C	Mông	Huyện nghèo	70%	
431	DTY1957202010154	Lò Thị Kim	Oanh	14/4/2001	Dược K15C	Thái	Xã ĐBKK	70%	
432	DTY1957202010202	Lương Sơn	Tùng	01/06/2001	Dược K15C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
433	DTY1357201010748	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	17/10/1993	K46A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
434	DTY1557201010035	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	11/11/1996	K48A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
435	DTY1557201010130	Đỗ Thị Hà	Đức	09/11/1997	K48A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
436	DTY1557201010170	Mông Thị	Hằng	21/3/1996	K48A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
437	DTY1557201010184	Lương Minh	Hiệp	01/11/1997	K48A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
438	DTY1557201010380	Lao Phạm	Ngọc	21/03/1997	K48A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
439	DTY1557201010475	Bế Thị Hồng	Thanh	25/3/1997	K48A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
440	DTY1557201010529	Triệu Thị Kiều	Thuyên	04/6/1996	K48A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
441	DTY1557201010504	Dương Thị	Thư	30/3/1997	K48A	Sán chí	Xã ĐBKK	70%	
442	DTY1557201010178	Trần Thị Thu	Hiền	07/4/1997	K48B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
443	DTY1557201010309	Hoàng Hùng	Linh	02/3/1996	K48B	Mường	Xã ĐBKK	70%	
444	DTY1557201010477	Lê Chí	Thành	14/01/1997	K48B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
445	DTY1557201010212	Đàm Thị	Huế	29/8/1996	K48C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
446	DTY1557201010259	Hoàng Nhật	Khánh	28/9/1997	K48C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
447	DTY1557201010428	Nông Thị	Phượng	19/12/1997	K48C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
448	DTY1557201010491	Lộc Thị	Thêm	19/3/1996	K48C	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
449	DTY1557201010405	Hoàng Thị	Nụ	18/7/1997	K48D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
450	DTY1557201010367	Trương Thị	Nga	12/4/1997	K48D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
451	DTY1557201010507	Nguyễn Thị	Thương	16/4/1997	K48D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
452	DTY1557201010357	Lường Trà	My	25/12/1996	K48E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
453	DTY1557201010494	Phạm Thanh	Thiên	11/11/1997	K48E	Mường	Xã ĐBKK	70%	
454	DTY1557201010114	Phạm Thị	Đào	01/02/1996	K48G	Mường	Xã ĐBKK	70%	
455	DTY1557201010145	Nông Thanh	Hà	08/5/1996	K48G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
456	DTY1557201010195	Nguyễn Văn	Hòa	20/6/1996	K48G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
457	DTY1557201010266	Trương Thành	Kiên	02/10/1996	K48G	Mường	62 HN	70%	
458	DTY1557201010466	Lèng Văn	Thái	14/9/1996	K48G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
459	DTY1557201010364	Nông Thị	Nga	01/6/1996	K48H	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
460	DTY1557201010395	Hoàng Uyển	Nhi	26/01/1996	K48H	Tày	Xã ĐBKK	70%	
461	DTY1557201010080	Vàng Ngọc	Dung	16/10/1996	K48I	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
462	DTY1557201010334	Nguyễn Thị	Mai	24/9/1996	K48I	Mường	Xã ĐBKK	70%	
463	DTY1557201010443	Lương Lệ	Quỳnh	04/12/1996	K48I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
464	DTY1557201010604	Trần Thị Thảo	Vân	12/10/1996	K48I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
465	DTY1657201010018	Hoàng Ngọc	Ánh	07/9/1998	K49A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
466	DTY1657201010032	Triệu Trần Thành	Công	13/3/1997	K49A	Dao	Xã ĐBKK	70%	
467	DTY1657201010193	Nguyễn Thị	Nga	04/9/1997	K49A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
468	DTY1657201010210	Nguyễn Thu	Phương	11/01/1997	K49A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
469	DTY1657201010252	Hà Thị Thu	Thảo	14/4/1998	K49A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
470	DTY1657201010023	Hoàng Thanh	Bình	09/4/1998	K49B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
471	DTY1657201010054	Nông Thị Thùy	Điểm	28/03/1998	K49B	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
472	DTY1657201010146	Nguyễn Thị Mai	Lan	16/12/1997	K49B	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
473	DTY1657201010153	Lục Thị	Liên	25/7/1997	K49B	Cao lan	Xã ĐBKK	70%	
474	DTY1657201010158	Hoàng Thị Thùy	Linh	18/01/1998	K49B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
475	DTY1657201010198	Phạm Lê Tố	Như	14/12/1997	K49B	Mường	Xã ĐBKK	70%	
476	DTY1657201010300	Lộc Thị Hải	Yến	26/02/1997	K49B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
477	DTY1657201010047	Hoàng Thị	Dưỡng	19/2/1997	K49C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
478	DTY1657201010060	Triệu Văn	Đức	10/8/1997	K49C	Dao	Xã ĐBKK	70%	
479	DTY1657201010180	Ngân Thị Hương	Ly	01/9/1997	K49C	Thái	Xã ĐBKK	70%	
480	DTY1657201010206	Hà Kiều	Oanh	08/10/1997	K49C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
481	DTY1657201010257	Mê Thị	Thêu	25/12/1998	K49C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
482	DTY1657201010045	Hoàng Trung	Dũng	24/11/1997	K49D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
483	DTY1657201010050	Trương Thị Mỹ	Duyên	05/4/1997	K49D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
484	DTY1657201010063	Vi Thị	Giang	14/4/1998	K49D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
485	DTY1657201010154	Hoàng Thị	Liễu	19/4/1998	K49D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
486	DTY1657201010156	Triệu Thị Diệu	Linh	02/01/1997	K49D	Dao	Xã ĐBKK	70%	
487	DTY1757201010164	Đinh Văn	Khánh	26/4/1999	K50A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
488	DTY1757201010195	Đinh Thị	Linh	01/02/1999	K50A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
489	DTY1757201010344	Triệu Thị	Thư	18/3/1999	K50A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
490	DTY1757201010411	Long Thị Tường	Vy	19/8/1999	K50A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
491	DTY1757201010046	Nguyễn Kiều	Diễm	26/3/1998	K50B	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
492	DTY1757201010183	Ngô Thị Khánh	Linh	22/3/1998	K50B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
493	DTY1757201010200	Lý Lưu	Luy	01/9/1999	K50B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
494	DTY1757201010259	Triệu Hồng	Nhung	07/02/1999	K50B	Dao	Xã ĐBKK	70%	
495	DTY1757201010047	Phạm Thị Huyền	Diệp	29/9/1999	K50C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
496	DTY1757201010122	Đàm Thu	Hoài	27/10/1999	K50C	Cao lan	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
497	DTY1757201010212	Lâm Thị	Mến	25/3/1999	K50C	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
498	DTY1757201010304	Lộc Văn	Tân	24/3/1998	K50C	Nùng	Thôn ĐBKK	70%	
499	DTY1757201010309	Lương Ngọc	Thắng	08/5/1999	K50C	Tày	62 HN	70%	
500	DTY1757201010400	Lưu Thị	Uyên	03/9/1999	K50C	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
501	DTY1757201010027	Hoàng Ngọc	Ánh	19/9/1999	K50D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
502	DTY1757201010043	Hà Hoàng	Cường	13/01/1999	K50D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
503	DTY1757201010180	Hoàng Diệu	Linh	17/02/1999	K50D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
504	DTY1757201010249	Tăng Lâm Uyển	Nhi	27/12/1999	K50D	Nùng	62HN	70%	
505	DTY1757201010363	Đinh Ngọc	Trâm	02/5/1998	K50D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
506	DTY1757201010009	Trần Tiến	Anh	23/11/1998	K50E	Mường	Xã ĐBKK	70%	
507	DTY1757201010114	Ma Thị Thảo	Hiếu	12/9/1998	K50E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
508	DTY1757201010257	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/3/1998	K50E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
509	DTY1757201010387	Phương Thị Anh	Tú	21/12/1998	K50E	Cao lan	Xã ĐBKK	70%	
510	DTY1757201010323	Lý Tô Thu	Thảo	03/4/1998	K50E	Tày	62 HN	70%	
511	DTY1757201010407	Ma Công	Vũ	06/5/1998	K50E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
512	DTY1757201010053	Nông Mạnh	Dũng	24/08/1998	K50G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
513	DTY1757201010058	Trương Thị Thảo	Duyên	29/09/1998	K50G	Giáy	62 HN	70%	
514	DTY1757201010106	Vũ Thanh	Hiền	15/10/1998	K50G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
515	DTY1757201010162	Quách Thị	Khanh	25/4/1998	K50G	Mường	Xã ĐBKK	70%	
516	DTY1757201010197	Nguyễn Hải	Long	22/02/1998	K50G	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
517	DTY1757201010277	Lưu Hoài	Phương	05/4/1998	K50G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
518	DTY1757201010299	Giàng Mai	Sơn	26/3/1998	K50G	Mông	62HN	70%	
519	DTY1757201010331	Lý Minh	Thiên	19/3/1998	K50G	Nùng	Huyện nghèo	70%	
520	DTY1757201010332	Nguyễn Minh	Thiên	17/10/1998	K50G	Tày	62 HN	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
521	DTY1757201010362	Vi Mai	Trâm	01/6/1998	K50G	Thái	Xã ĐBKK	70%	
522	DTY1857201010041	Giàng A	Chô	15/4/1999	K51A	Mông	Xã ĐBKK	70%	
523	DTY1857201010128	Ma Văn	Hùng	27/07/1996	K51A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
524	DTY1857201010149	Vi Quang	Huy	05/6/1999	K51A	Thái	Xóm ĐBKK	70%	
525	DTY1857201010166	Hứa Thị Ngọc	Lan	24/11/2000	K51A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
526	DTY1857201010318	Ngô Vĩnh	Toản	18/10/2000	K51A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
527	DTY1857201010349	Nông Thị	Tuyết	28/7/2000	K51A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
528	DTY1857201010295	Tô Minh	Thư	01/07/1999	K51A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
529	DTY1857201010302	Vi Thị	Thương	30/9/1999	K51A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
530	DTY1857201010055	Hà Phương	Dung	12/12/1999	K51B	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
531	DTY1857201010058	Vũ Việt	Dũng	31/8/2000	K51B	Sán chí	Xã ĐBKK	70%	
532	DTY1857201010094	Hoàng Thị	Hằng	14/7/2000	K51B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
533	DTY1857201010104	Nguyễn Thị Hạnh	Hoa	14/12/2000	K51B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
534	DTY1857201010124	Bàn Thị Minh	Huế	18/01/2000	K51B	Dao	Thôn ĐBKK	70%	
535	DTY1857201010151	Trần Thị	Huyền	07/02/1999	K51B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
536	DTY1857201010204	Nguyễn Hà	Mai	15/02/2000	K51B	Thái	Xã ĐBKK	70%	
537	DTY1857201010234	Phạm Thị Hồng	Nhung	21/3/2000	K51B	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
538	DTY1857201010347	Chẩu Thanh	Tùng	14/01/2000	K51B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
539	DTY1857201010282	Nguyễn Thị	Thảo	07/02/2000	K51B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
540	DTY1857201010272	Nguyễn Văn	Thắng	04/11/2000	K51B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
541	DTY1857201010063	Mai Thùy	Dương	18/12/1999	K51C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
542	DTY1857201010108	Đàm Thị Thu	Hoài	08/3/1999	K51C	Cao lan	Xã ĐBKK	70%	
543	DTY1857201010172	Nguyễn Ngô Thùy	Linh	20/7/2000	K51C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
544	DTY1857201010174	Hoàng Thùy	Linh	07/9/1999	K51C	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
545	DTY1857201010300	Hoàng Thị	Thương	17/02/1998	K51C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
546	DTY1857201010329	Vương Huyền	Trang	19/9/1999	K51C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
547	DTY1857201010048	Tàng Kiên	Cường	17/2/1999	K51D	Tày	62 HN	70%	
548	DTY1857201010066	Hà Tuấn	Duy	23/6/2000	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
549	DTY1857201010096	Đặng Thúy	Hằng	23/7/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
550	DTY1857201010206	Liễu Thị	Mẫn	17/7/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
551	DTY1857201010222	Lý Bích	Ngọc	06/02/2000	K51D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
552	DTY1857201010245	Vi Thu	Phương	11/02/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
553	DTY1857201010312	Trần Thị	Thủy	16/8/2000	K51D	Cao lan	Thôn ĐBKK	70%	
554	DTY1857201010296	Nguyễn Quỳnh	Thư	24/11/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
555	DTY1857201010326	Lê Thị Quỳnh	Trang	21/11/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
556	DTY1857201010072	Bùi Văn	Đạt	01/9/1998	K51E	Mường	Xã ĐBKK	70%	
557	DTY1857201010082	Quách Hoàng	Hà	12/4/1999	K51E	Mường	Xã ĐBKK	70%	
558	DTY1857201010099	Nguyễn Thị	Hiên	28/12/1999	K51E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
559	DTY1857201010279	Hoàng Thu	Thảo	13/5/1999	K51E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
560	DTY1857201010315	Hoàng Ngọc	Thụy	03/8/2000	K51E	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
561	DTY1857201010301	Triệu Hoài	Thương	27/9/1999	K51E	Dao	Xã ĐBKK	70%	
562	DTY1957201010183	Bùi Duy	Hưng	09/7/2000	K52A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
563	DTY1957201010291	Nguyễn Thị Lê	Na	30/9/2001	K52A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
564	DTY1957201010328	Phùng Thị	Nhung	20/3/2001	K52A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
565	DTY1957201010371	Ma Thị	Thanh	30/10/2000	K52A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
566	DTY1957201010384	Đỗ Phương	Thảo	24/7/2000	K52A	San chí	Xã ĐBKK	70%	
567	DTY1957201010440	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/12/2001	K52A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
568	DTY1957201010442	Phạm Mã Hà	Trang	25/9/2000	K52A	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
569	DTY1957201010012	Hà Phương	Anh	19/5/2000	K52B	Mường	Xã ĐBKK	70%	
570	DTY1957201010087	Nguyễn Hồng	Đức	26/5/2000	K52B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
571	DTY1957201010123	Ma Thúy	Hằng	01/3/2000	K52B	Dao	Xã ĐBKK	70%	
572	DTY1957201010194	Trần Quang	Huy	05/12/2001	K52B	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
573	DTY1957201010268	Nông Hương	Ly	13/03/2001	K52B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
574	DTY1957201010297	Nguyễn Vy	Nga	16/11/2001	K52B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
575	DTY1957201010305	Nguyễn Hồng	Ngọc	16/8/2001	K52B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
576	DTY1957201010464	Hoàng Thị	Tươi	26/03/2000	K52B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
577	DTY1957201010058	Trương Văn	Dũng	02/4/2000	K52C	Mường	Hộ nghèo	70%	
578	DTY1957201010116	Hoàng Lê Sơn	Hải	27/6/2000	K52C	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
579	DTY1957201010182	Hoàng Thị	Hưng	27/9/2000	K52C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
580	DTY1957201010227	Đinh Thị	Linh	01/8/2000	K52C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
581	DTY1957201010020	Hà Thị	Anh	21/4/2001	K52D	Mường	Xã ĐBKK	70%	
582	DTY1957201010300	Hoàng Thảo	Ngân	29/9/2000	K52D	Dao	Xã ĐBKK	70%	
583	DTY1957201010321	Ma Thị Hồng	Nhung	28/11/2000	K52D	Dao	Xã ĐBKK	70%	
584	DTY1957201010334	Triệu Ngọc	Phương	02/02/2001	K52D	Dao	Xã ĐBKK	70%	
585	DTY1957201010063	Vi Quách	Dũng	24/12/2001	K52E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
586	DTY1957201010287	Cao Thu	Minh	18/5/2000	K52E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
587	DTY1957201010317	Nông Dương	Như	11/01/2001	K52E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
588	DTY1957201010360	Thái Thị Huyền	Sương	28/8/2000	K52E	Thái	Xã ĐBKK	70%	
589	DTY1957201010485	Nguyễn Thị	Xuyến	28/02/2001	K52E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
590	DTY1957201010039	Hoàng Thị Bảo	Châm	22/4/2000	K52G	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
591	DTY1957201010080	Nguyễn Tấn	Đạt	31/12/2000	K52G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
592	DTY1957201010122	Ngô Minh	Hằng	23/6/2001	K52G	Tày	Thôn ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
593	DTY1957201010331	Hoàng Hoài	Nương	06/6/2000	K52G	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
594	DTY1957201010341	Vàng Mí	Pó	06/7/1999	K52G	Mông	Xã ĐBKK	70%	
595	DTY1957201010348	Nguyễn Như	Quỳnh	01/8/2000	K52G	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
596	DTY1957201010364	Hà Công	Tân	20/3/2000	K52G	Thái	Xã ĐBKK	70%	
597	DTY1957201010394	Hoàng Quỳnh	Thoa	08/02/2001	K52G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
598	DTY1957201010428	Nguyễn Huyền	Trang	25/8/2001	K52G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
599	DTY1957201010046	Giàng Thị	Chúa	02/5/2001	K52H	Mông	Xã ĐBKK	70%	
600	DTY1957201010082	Quản Trọng	Đạt	13/6/2000	K52H	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
601	DTY1957201010313	Vi Thị Ánh	Nguyệt	26/01/2001	K52H	Nùng	Thôn ĐBKK	70%	
602	DTY1957201010401	Lò Thị Hoài	Thu	03/4/2001	K52H	Thái	Xã ĐBKK	70%	
603	DTY1957201010036	Lý Ngọc	Bảo	16/3/2000	K52I	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
604	DTY1957201010064	Hoàng Thị Bạch	Dương	08/11/2001	K52I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
605	DTY1957201010114	Đỗ Quang	Hải	09/02/2000	K52I	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
606	DTY1957201010302	Lân Văn	Nghị	16/4/2000	K52I	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
607	DTY1957201010337	Lò Văn	Phương	01/10/1994	K52I	Thái	Xã ĐBKK	70%	LT. CQ
608	DTY1957201010351	Lô Thị Bảo	Quỳnh	01/10/2000	K52I	Thái	Xã ĐBKK	70%	
609	DTY1957201010431	Vi Thùy	Trang	20/10/2001	K52I	Thái	Xã ĐBKK	70%	
610	DTY20K7201010135	Triệu Thị Bích	Thùy	15/02/1997	CTY K52A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	LT. CQ
611	DTY1557206010039	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	12/10/1997	RHM K8	Tày	Xã ĐBKK	70%	
612	DTY1557206010050	Trương Lý	Thanh	26/12/1997	RHM K8	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
613	DTY1657206010007	Trương Vũ Bảo	Châu	29/8/1998	RHM K9	Mường	Xã ĐBKK	70%	
614	DTY1657206010022	Vy Thị	Thiệu	20/11/1998	RHM K9	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
615	DTY1757206010013	Lục Thị	Linh	15/8/1999	RHM K10	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
616	DTY1757206010028	Phương Thị Mai	Vân	07/12/1999	RHM K10	Nùng	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
617	DTY1857205010015	Bùi Thị	Huyền	25/08/2000	RHM K11	Mường	Xã ĐBKK	70%	
618	DTY1857205010031	Phạm Hà	Trang	09/02/2000	RHM K11	Tày	Xã ĐBKK	70%	
619	DTY1857205010034	Lù Thị	Vênh	12/11/2000	RHM K11	Mông	Xã ĐBKK	70%	
620	DTY1957205010002	Kiều Mai	Anh	13/6/2001	RHM K12	Tày	Xã ĐBKK	70%	
621	DTY1957205010019	Ma Khánh	Linh	20/8/2001	RHM K12	Tày	Xã ĐBKK	70%	
622	DTY1557203020008	Hoàng Hương	Chuyền	08/05/1997	YHDP K9	Tày	Huyện nghèo	70%	
623	DTY1557203020031	Hà Thị	Hường	19/11/1997	YHDP K9	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
624	DTY1557203020034	Nông Thu	Lê	16/01/1997	YHDP K9	Tày	Xã ĐBKK	70%	
625	DTY1557203020049	Lục Thị Thanh	Nhàn	25/6/1996	YHDP K9	Tày	Xã ĐBKK	70%	
626	DTY1557203020053	Triệu Xuân	Phú	18/2/1997	YHDP K9	Dao	Xã ĐBKK	70%	
627	DTY1557203020054	Chu Thị Mai	Phương	25/02/1997	YHDP K9	Nùng	62HN	70%	
628	DTY1657203020010	Hoàng Thị Thu	Hà	03/4/1998	YHDP K10	Tày	Xã ĐBKK	70%	
629	DTY1657203020017	Nguyễn Thị	Lan	03/10/1998	YHDP K10	Tày	Xã ĐBKK	70%	
630	DTY1657203020021	Sùng Seo	Sếnh	20/10/1998	YHDP K10	Mông	Xã ĐBKK	70%	
631	DTY1657203020026	Lục Hoài	Thu	17/11/1997	YHDP K10	Tày	Xã ĐBKK	70%	
632	DTY1757201030013	Trần Thị Ngọc	Hoa	05/8/1998	YHDP K11	Tày	Xã ĐBKK	70%	
633	DTY1757201030019	Đinh Thị Thùy	Linh	04/3/1999	YHDP K11	Mường	Xã ĐBKK	70%	
634	DTY1757201030023	Triệu Mạnh	Nghĩa	15/5/1998	YHDP K11	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
635	DTY1757201030027	Lê Thị	Phương	22/4/1999	YHDP K11	Tày	Xã ĐBKK	70%	
636	DTY1857201100002	Thao Văn	Cấu	13/4/1996	YHDP K12	Mông	Xã ĐBKK	70%	
IV.	**Con người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**								
637	DTY1757203320039	Nguyễn Minh	Uyên	21/9/1999	CNXN K1	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
638	DTY1857203010012	Phạm Thị Kim	Chi	03/8/2000	CNĐD K15C	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
639	DTY1957203010140	Nguyễn Thanh	Tâm	23/4/2001	CNĐD K16D	Kinh	Con người TNLĐ	50%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
640	DTY1857202010082	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	19/9/2000	Dược K14C	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
641	DTY1957202010182	Vũ Thu	Trà	20/12/2001	Dược K15A	Kinh	Con người MBNN	50%	
642	DTY1557201010336	Nguyễn Thị	Mai	28/08/1997	K48E	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
643	DTY1757201010306	Ngô Quang	Thái	27/8/1999	K50B	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
644	DTY1757201010269	Bùi Thanh	Phong	20/01/1999	K50D	Kinh	Con người MBNN	50%	
645	DTY1857201010015	Nguyễn Tú	Anh	19/11/2000	K51B	Kinh	Con người MBNN	50%	
646	DTY1857201010182	Tống Khánh	Linh	28/10/1999	K51D	Kinh	Con người MBNN	50%	
647	DTY1957201010443	Ngô Tuyết	Trinh	08/11/2001	K52B	Kinh	Con người MBNN	50%	
648	DTY1957201010400	Nguyễn Hoài	Thu	21/3/2001	K52B	Kinh	Con người MBNN	50%	
649	DTY1957201010026	Nguyễn Hồng Phương	Anh	19/12/2001	K52G	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
650	DTY1957201010111	Bùi Mạnh	Hà	10/3/2001	K52G	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
651	DTY1557206010037	Chu Thị Hồng	Ngọc	15/7/1997	RHM K8	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
652	DTY1757206010007	Bùi Đức	Kiên	23/4/1999	RHM K10	Mường	Con người TNLĐ	50%	
653	DTY1857205010027	Dương Thị Phương	Thảo	09/10/2000	RHM K11	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
654	DTY1957201100002	Nguyễn Đức	Dũng	17/01/1999	YHDP K13	Kinh	Con người TNLĐ	50%	

Ấn định danh sách gồm 654 sinh viên.